TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2018/LĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 101/2018/TLST-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 565/2018/QĐXXST-LĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 598/2018/QĐST-LĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc C

Địa chỉ: S Khu phố T, thị trấn H, huyện H, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Ấp L, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp T2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Jeong M – Chức vụ: Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc C có ông Nguyễn Thanh P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Phạm Ngọc C được Công ty TNHH T (gọi tắt là công ty) thuê vào làm tại công ty từ ngày 01/3/2018 với mức lương thỏa thuận là 4.900.000đồng/tháng. Từ lúc

bắt đầu đi làm đến cuối tháng 3/2018, công ty trả lương cho bà Phạm Ngọc C đầy đủ theo thỏa thuận. Tháng 4/2018, công ty cho rằng việc kinh doanh đang gặp khó khăn nên đã thỏa thuận nợ tiền lương của người lao động. Tuy nhiên, đến ngày 05/6/2018 Công ty TNHH T không thanh toán tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 cho bà C và ngừng hoạt động.

Nay căn cứ theo bảng lương do công ty lập, bà Phạm Ngọc C yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương còn nợ của tháng 4 và tháng 5 năm 2018 là 8.523.000đồng. Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Ngọc C với Công ty TNHH T là tranh chấp lao động cá nhân về tiền lương được quy định tại khoản khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 200 Bộ luật lao động năm 2012 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về điều kiện khởi kiện: Trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 18/7/2018 hòa giải viên lao động tiến hành thủ tục hòa giải nhưng hòa giải không thành do Công ty TNHH T vắng mặt. Do đó, nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 là 8.523.000đồng. Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bị đơn có trả lương cho nguyên đơn, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

[6] Căn cứ tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn vào làm việc tại Công ty TNHH T từ 01/3/2018 tại bộ phận Tổ B với mức lương 4.900.000đồng/tháng. Phía nguyên đơn trình bày số tiền 8.523.000đồng là tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 mà mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Qua đối chiếu với bảng lương của Công ty TNHH T (có con dấu của Công ty) thì tổng số tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn là 8.523.000đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn có làm việc tại Công ty TNHH T, việc bị đơn nợ lương của nguyên đơn là có thật và bị đơn không trả lương như đã nêu trên là vi phạm nguyên tắc trả lương. Vì vậy, áp dụng quy định tại Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 còn nợ là 8.523.000đồng.

[7] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời khai, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xém xét.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 21, 32, 35, 39, 63, 91, 147, 203, 207, 227, 228, 229, 232, 271, 272 và 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 96, Điều 200 và Điều 201 Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ các Điều 21, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc C.

Buộc Công ty TNHH T trả cho bà Phạm Ngọc C tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2018 với số tiền là 8.523.000(tám triệu năm trăm hai mươi ba nghìn)đồng. Việc trả tiền thực hiện một ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH T chậm trả từ 15 ngày trở lên thì phải trả thêm cho bà Phạm Ngọc C một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì lãi suất được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 300.000(ba trăm nghìn) đồng, Công ty TNHH T phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP HCM;
- VKSND huyện Hóc môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam